TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bảnán số: **08**/2020/HNGĐ-PT
Ngày 20 - 4 - 2020
V/v" Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phương Đông
Các Thẩm phán: Bà Phan Thi Thu Hương
Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà
Bà Vũ Thị Hồng Uyên - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai , xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 53/2019/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 103/2019/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân TP.Biên Hòa bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2020/QĐPT- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Hà Cẩm T, sinh năm 1968 (vắng mặt)
Địa chỉ: 241/27B6, Tân Hòa Đông, P.14, Q.6, TP.Hồ Chí Minh.

- ***Bị đơn***: Bà Lê Thị L, sinh năm 1962 (vắng mặt)
Địa chỉ: 86/58 Phan Đình Phùng, P.Thanh Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm:

- Nguyên đơn Hà Cẩm T tại Đơn xin ly hôn và Bản tự khai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà L kết hôn với nhau vào năm 1991, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, có tổ chức cưới hỏi. Trong thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2016 phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính tình, hay cãi vả, gây gỗ và xung đột với nhau dẫn đến cuộc sông hôn nhân ngột ngạt, không hạnh phúc. Ông T và bà L đã nhiều lần ngồi lại với nhau để tìm cách hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả. Cuộc sống vợ chồng đã làm đơn xin được ly hôn với bà Liễu.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Hà Bội N, sinh ngày 28/8/1993 và Hà Vĩ H, sinh ngày 12/4/2003. Cháu N đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. không còn tình cảm và không thể hàn gắn được nữa. Ông T và bà L đã sống ly thân khoảng hơn 03 năm nay. Nay xác định mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên ông T.

Cháu H bị khuyết tật trí tuệ đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của Ủy ban nhân dân phường T, TP B, tỉnh Đ và hiện đang sinh sống ổn định với ông T nên ly hôn ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu, tạm thời không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bà L không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.:

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 103/2019/HNGĐ-ST ngày 29/7/2019, Tòa án nhân dân TP.B, tỉnh Đồng Nai đã căn cứ:

- Căn cứ Điều 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110,131 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu "Xin ly hôn" của ông Hà Cẩm T đối với bà Lê Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Hà Cẩm T được ly hôn bà Lê Thị L.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Hà Bội N, sinh ngày 28/8/1993 và Hà Vĩ H, sinh ngày 12/4/2003. Cháu N đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Giao cháu Hà Vĩ H, sinh ngày 12/4/2003 cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, tạm thời bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Liễu được quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: do chưa lấy được lời khai của bà L nên tách ra giải quyết thành vụ án dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân gia đi nh sơ thẩm: Ông T phải nộp 300.000ñ án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí số 009630 ngaøy 16/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự TP.B.

5. Ông T, bà L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đươc niêm yết tại chính quyền địa phương./.

Ngày 23/8/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng N ai có văn bản số 270/QĐ/KNPT–P.9 kháng nghị theo hướng đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đưa ra xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án số 103/2019/HNGĐ-ST ngày 29/7/2019 Tòa án nhân dân TP .B do có vi phạm trong thủ tục tố tụng , xác minh, thu thập chứng cứ không đầy đủ và việc giải quyết vắng mặt bị đơn là không có căn cứ, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

1.Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:

Sau khi nhận được hồ sơ vụ án, kháng nghị của Viện kiểm sát, Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện việc thụ lý, phân công Thẩm phán làm chủ tọa giải quyết vụ án, đảm bảo quyền kháng cáotheo Điều278 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thông qua kiểm sát kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về việc việc cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp

lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử:

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử đảm bảo sự vô tư, khách quan khi giải quyết vụ án, không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng theo Điều 52 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, thủ tục phiên tòa từ khi bắt đầu cho đến thời điểm này được Hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện đầy đủ, đúng quy định trình tự về phiên tòa phúc thẩm .

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Kiểm sát viên phát biểu về kháng nghị:

+ Tính có căn cứ và hợp pháp của kháng nghị: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát được ban hành đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, nên được xem xét theo thủ tục chung.

Quan điểm đối với phần bản án bị kháng nghị:

Trên cơ sở nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nội dung kháng nghị, nhận thấy:

Nguyên đơn ông Hà Cẩm T khởi kiện về việc xin ly hôn với bà Lê Thị L, ông T cung cấp địa chỉ thường trú của bà L tại 86/58 Phan Đình P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có xác nhận của Trưởng Công an phường T ngày 22/3/2019 về việc bà Lê Thị L hiện đang thường trú tại địa chỉ 86/58 Phan Đình P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (bút lục số 32). Tuy nhiên, theo biên bản làm việc ngày 15/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B với ông Hà Cẩm T thì ông T cho biết "hiện nay bà L không còn ở 86/58 Phan Đình P, phường T, thành phố B. Do nợ nần bà L đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ tháng 10/2018 đến nay, đi đâu không rõ, không có về nhà lần nào. Hiện nay bà L ở đâu ông không biết" (bút lục số 29). Như vậy, căn cứ vào hai tài liệu trên thì có sự mâu thuẫn về việc cư trú của bà L, nhưng Tòa án nhân dân thành phố B không tiến hành xác minh tại Công an phường T là cơ quan quản lý nhân khẩu để xác định bà L có còn sinh sống tại địa chỉ 86/58 Phan Đình P, phường T, thành phố B nữa hay không. Trường hợp xác minh bà L không còn sinh sống tại địa chỉ trên và không biết bà L sinh sống tại địa chỉ nào thì phải

hướng dẫn cho ông T làm thủ tục Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú theo quy định tại Chương XXV Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Cấp sơ thẩm đã không tiến hành xác minh về tình trạng cư trú của bà L để giải quyết theo quy định của pháp luật, mà lại tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bà L tại Ủy ban nhân dân phường T, tại địa chỉ 86/58 Phan Đình P, phường T, thành phố B, tất cả các biên bản niêm yết ngày 14/3/2019, ngày 12/4/2019, ngày 18/6/2019 đối với bà Lê Thị L tại địa chỉ 86/58 Phan Đình P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, và tại Ủy ban nhân dân phường T đều thể hiện có sự sửa chữa về mặt thời gian. Nên việc Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết vắng mặt bà L là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự.

Ngoài ra về áp dụng pháp luật: Ông Hà Cẩm T và bà Lê Thị L đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1991. Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết không áp dụng các qui định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 (luật tại thời điểm hôn nhân được xác lập) là không đầy đủ.

Tuy nhiên, sau khi cấp phúc thẩm thụ lý thì nguyên đơn ông Hà Cẩm T có đơn xin rút đơn khởi kiện. Theo quy định tại khoản 1 Điều 299 BLTTDS thì việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn phải được sự đồng ý của bị đơn. Nhưng trong trường hợp này bị đơn bà Lê Thị L từ khi ông T làm đơn xin ly hôn đến khi Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T đến thời điểm này thì bà L vẫn không biết gì về việc ông T làm đơn xin ly hôn với bà, nên không áp dụng quy định tại khoản 1 điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời hiện nay bà L đang cư trú ở đâu thì ông T cũng không biết để cung cấp địa chỉ cho Tòa án, nên Tòa án không thể tống đạt văn bản tố tụng cho bà L được. Do đó, Viện kiểm sát thay đổi một phần nội dung kháng nghị: đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn rút đơn khởi kiện.

Bởi các lẽ trên: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Căn cứ khoản 4 điều 308 BLTTDS.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 103/2019/HNGĐ-ST ngày 29/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa và đình chỉ giải quyết vụ án./.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Văn bản kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Nguyên đơn là ông Hà Cẩm T có Đơn xin xét xử vắng mặt , bị đơn là bà Lê Thị L được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tống đạt văn bản theo quy định nhưng không có kết quả (do cấp sơ thẩm chưa xác minh , làm rõ nơi cưu trú của bị đơn và nguyên đơn là ông Hà Cẩm T cũng không biết hiện nay bị đơn đang ở đâu) nên theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự , Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt ông Hà Cẩm T và bà Lê Thị L.

[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Nguyên đơn là ông Hà Cẩm T có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với bị đơn là bà Lê Thị L. Quá trình làm việc tại cấp sơ thẩm , ông Hà Cẩm T cung cấp địa chỉ thường trú của bà Lê Thị L tại số 86/58 Phan Đình P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có xác nhận của Trưởng Công an phường T vào ngày 22/3/2019 về việc bà Lê Thị L hiện đang thường trú tại địa chỉ 86/58 Phan Đình P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai - bút lục số 32). Tuy nhiên, tại hồ sơ vụ án thể hiện: Biên bản làm việc ngày 15/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B với ông Hà Cẩm T thì ông T cho biết "hiện nay bà Liễu không còn ở 86/58 Phan Đình P, phường T, thành phố B. Do nợ nần bà L đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ tháng 10/2018 đến nay, đi đâu không rõ, không có về nhà lần nào. Hiện nay bà L ở đâu ông không biết" - bút lục số 29.

Căn cứ vào hai tài liệu nêu trên thì có sự mâu thuẫn về nơi cư trú của bị đơn là bà Lê Thị L, cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh, làm rõ nơi cư trú bà Lê Thị L là chưa đầy đủ, dẫn đến việc xét xử vắng mặt bà Lê Thị L tại phiên tòa sơ thẩm không đúng với tinh thần của Bộ luật tố tụng dân sự (trường hợp xác minh bà Liễu không còn sinh sống tại địa chỉ 86/58 Phan Đình P, phường T, thành phố B và không biết bà L sinh sống tại địa chỉ nào thì phải hướng dẫn cho ông T làm thủ tục Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú theo quy định tại Chương XXV Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

Những phân tích nêu trên , thể hiện việc kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về nội dung này là có cơ sở.

[3] Tại cấp phúc thẩm, sau khi xét xử sơ thẩm thì nguyên đơn là ông Hà Cẩm T có "Đơn xin rút yêu cầu khởi kiện" (không yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lê Thị L). Do cấp sơ thẩm không xác minh, làm rõ và tại cấp phúc thẩm, ông Hà Cẩm T cũng không cung cấp được địa chỉ chính xác , hiện tại của bà Lê Thị L nên cấp phúc thẩm không làm việc được với bà Lê Thị L về việc ông ông Hà Cẩm T có "Đơn xin rút đơn yêu cầu khởi kiện" (thể hiện bà Lê Thị L hoàn toàn không biết ông Hà Cẩm T có đơn khởi kiện xin ly hôn nên việc ông Hà Cẩm T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện không ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn là bà Lê Thị L) nên theo quy định tại Điều 217, Điều 299, khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai thay đổi một phần nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai từ đề nghị "Hủy bản án số 103/2019/HNGĐ-ST ngày 29/7/2019 Tòa án nhân dân TP .B do có vi phạm trong thủ tục tố tụng , xác minh, thu thập chứng cứ không đầy đủ và việc giải quyết vắng mặt bị đơn là không có căn cứ , ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự » sang đề nghị 'Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn rút đơn khởi kiện" – phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như trên đã phân tích.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự , trong trường hợp cấp phúc thẩm quyết định " Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án" như đã nêu trên thì nguyên đơn là ông Hà Cẩm Tiên có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Đối với án phí : Ông Hà Cẩm T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm , được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 009630 ngày 16/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự TP.B. Ông Hà Cẩm T còn phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 4 Điều 308; Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự . Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 103/2019/HNGĐ-ST ngày 29/7/2019 Tòa án nhân dân TP.B, tỉnh Đồng Nai và đình chỉ giải quyết vụ án.

2. Nguyên đơn là ông Hà Cẩm T được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí: Ông Hà Cẩm T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí soá 009630 ngày 16/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự TP.B. Ông Hà Cẩm T còn phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

4.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS TP.B;
- UBND P.T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa hiên tòa

Trần Phương Đông